



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 233864

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Văn Hòa
Last Middle First

Current Address: 32A Khu 1, Bình Thới, Thị trấn Đức Hòa, H. Đức Hòa

Date of Birth: 11/14/46 Place of Birth: VN, Long An.

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/28/75 To 5/15/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Ng Thi Thuy

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
CƠ QUAN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH
SỐ: 709/LT

LENH THA

Ta: (D) Phạm Văn Hùng
chức vụ: Giám đốc Công an tỉnh Tiền Giang
Căn cứ quyết định miễn tố số này

đối với bị can :
Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LÊNH THA

Họ và tên: Lê Quỳnh Bí danh: _____
 Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1967

Sinh quán :
Trú quán : 10A - Tr. Đức Hoà - Long An
Nghề nghiệp :

Ông Giám thị trại giam: Trần Văn Giảng
thi hành khi nhận được lệnh này:

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (4)
để tường.

NƠI NHẬN :

- Ông Viện trưởng VKSND.
- Ông Giám thị đề thi hành
- Đương sự khi về trình với
- Lưu hồ sơ.

20 tháng 07 năm 1984
 PHẠM VĂN HƯÂN
 CÔNG AN SĨNG GIỄN QUẢNG
 PHẠM VĂN HƯÂN

Le Hoa cu^u Le Huynh ^{Con an^u} Le Van Hoa, 1966.
Citations

Đi ch^u: ^{KV.1} SEA. Tri^u Tr^uan D^uac Ho^u. Long An.

IV 233864

BỘ NỘI VỤ
Trại *Tuần tra*
Số 325 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLT.G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	3	7	8	1	8	1	3	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số *88/80* ngày *05* tháng *15* năm *82* của *Bộ nội vụ*.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lê Văn Hòa

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày *14* tháng *11* năm *1946*

Nơi sinh *gia đình*

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt *199/CB Đường Yên Dã, Quận 3*

Thành phố: *Hồ Chí Minh*

Can tội *Thiếu kỷ luật sát trường G. Đ. biệt*

Bị bắt ngày *28-10-1975*

Án phạt *7 năm cải tạo*

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại *199/CB Đường Yên Dã, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh*

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế: 10 tháng

Điểm ăn và đi đường: 15/11

Lấn tay ngón trở phải

Của *Lê Văn Hòa*

Danh bản số *2603*

Lập tại *FSM*

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Văn Hòa

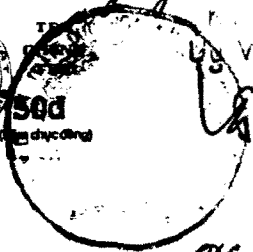
Ngày *15* tháng *05* năm *1982*

Giám thị

Đang tá: Trình văn Hòa

Sao y bản chính

THỦ ĐẠO 10-2-1989 ĐỨC HÒA



Ủy Viên Thủ Khoa

Phạm Tiến Sĩ

Đây là bản sao mới xin lại +
(bản gốc tại nhà.)

IV. 23386h

LỆNH THA

Tôi **PHẠM VĂN HUÂN**
Chức vụ: **Giám đốc công an Tỉnh Tiền Giang.**
Căn cứ Quyết định miễn tố số: ngày tháng năm
của đối với
Căn cứ đề nghị tha số **03** ngày **13** tháng **1** năm **1987**
của **Hội đồng đặc xá** đối với
Căn cứ pháp luật hiện hành

RA LỆNH THA

Họ và tên: **Lô Văn Hòa** bí danh
Sinh ngày tháng năm **1946**
Sinh quán:
Trú quán: **144/61B - Lý chính Thắng - P15 - Q3 - TP/HCM**
Nghề nghiệp:
Bị bắt ngày **20** tháng **9** năm **1983**
Can tội: **Xuất cảnh trái phép**
Ông giám thị trại Công an Tỉnh Tiền Giang thi hành khi nhận
đề nghị này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Tiền Giang
để trường.

NƠI NHẬN

- Ông Viện trưởng, VKSND để trường
- Ông Giám thị để thi hành
- Đường sự khi về trình với chánh quyền địa phương.
- Lưu hồ sơ.

Tiền Giang, ngày **20** tháng **1** năm **1987**

Công an Tỉnh Tiền Giang.

GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN HUÂN

CAP 1503 Kêu Nhỏ

Mt: Lê Văn Sơn SN 1946.
Mời được lấy thẻ về Co
đều tiếp báo tại CAP 153.
văn lui 13450, ngày 01-1987.

Định 1000 đồng 04/10/1987
Tài khoản 1/1/1987
phân bổ 1/1/1987



Handwritten signature

Sau y bản thảo
Ngày 01/11/87

AM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRẦN ĐỨC GIÀ
CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Lê Văn Chấm

Đức tôn 9.8.1989

Kính chào!

Tôi có được thẻ của chi gia cho anh Nhàn (5/89), hoàn hảo anh em bên là rất cảm động trước nghĩa cử cao đẹp của chi. Nhân đây tôi viết thư giúp đỡ cho việc học của chi. Tôi xin gửi lời chào thân ái (đến anh em), tôi hi vọng đến nay vấn đề phân bố cho anh em học, đang biết và hoàn thiện hơn.

Kính gửi anh em: được nay mình rất quý, bạn tôi quen biết: Trung 380 BXLARIN # BR JERSEY CITY NJ 07306 USA được thẻ bảo vệ 18/8/89, số: 233864 nên bây giờ đến chi. Số 1 là chi "hồ sơ" vì anh ta đến 15.5.1982, 1983 bị quân chế, đến 20.9.1983 tại Việt Nam cũng bắt anh bị bắt trở lại đến 20.1.1984 mới được trở về. Kính mong chi lưu ý đến hồ sơ của tôi. Số 2 là bây giờ viết được đây hàng ngày là thế mới chi hiểu cho.

Còn thẻ của anh em bên gia họ cho chi đi đầu dân số học. Tiếp tin chi:

Địa chỉ của tôi:

Kính chào!

ĐE VAN HUA

SEA, Khu 1, Bình Ph.

Ph. Hoàn Đức Tôn, Huyện Đức Tôn

Tỉnh LONG AN, VIỆT NAM

Đe Văn Hòa.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 233 864

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN HOA
Last Middle First

Current Address: 32A, KHU I, AP BINH TRI, THI TRAN DUC HOA, HUYEN DUC HOA, TINH LONG AN

Date of Birth: NOV 14, 1946 Place of Birth: GIA-DINH, SAIGON

Previous Occupation (before 1975) SUBLEUTENANT OF SPECIAL POLICEMAN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From JUNE 28, 1975 To SEP 20, 1983
Years: 8 Months: 2 Days: 22

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN, THI THUY
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>THUY THAI NGUYEN</u>	<u>FRIEND</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: OCT 9, 89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HOA VAN LE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NAM THI HUYNH	1941	WIFE
MINH-KHANH HUYNH LE	Dec 11, 1965	DAUGHTER
MY-KHANH TRAN LE	JUN 18, 1984	GRAND DAUGHTER
DUNG MINH LE	MAY 12, 1964	SON-IN-LAW
HUYNH LE	MAY 09, 1967	SON
DONG-HO HUYNH LE	MAR 24, 1969	SON
TAN-PHAT HUYNH LE	1971	SON
THANH-HUY HUYNH LE	MAR 28, 1973	SON
DOAN-TUU HUYNH LE	MAR 21, 1976	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

144/618 LY CHINH THANG, PHUONG 5

QUAN 3, HO CHI MINH CITY (VIETNAM)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN HOA
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):ADDRESS IN VIETNAM : 32A KINH, AP BINH-TRI, THILTRAN DUC-HOA
(Dia chi tai Viet-Nam) HUYEN DUC-HOA, TINH LONG AN (VN)POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) If Yes (Neu co): From (Tu): JUN 28, 1975 To (Den): SEP 20, 1983PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (Trai tu)PROFESSION (Nghe nghiep): SUB-LEUTENANT OF POLICE COMMAND (Before 1975), OUT OF JOB (NOW)EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SUB-LEUTENANT OF POLICE COMMAND (Special)VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Date (nam): APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 233864
No (Khong): NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 9 people (9 người)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiepMAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 134/59 LY CHINH THANG, PHUONG 15
QUAN 3, THANH PHO HOCHIMINHNAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
NGUYEN THI THUYU.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND (Ban)NAME & SIGNATURE: Thuy - Nguyen Thi ThuyADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) DATE: Oct 9 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN HUA
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NAM THI HUYNH	1941	WIFE
MINH-KHANH HUYNH LE	DEC 11, 1965	DAUGHTER
MY KHANH TRAN LE	JUN 18, 1984	GRAND DAUGHTER
DUNG MINH LE	MAY 12, 1964	SON-IN-LAW
HUYNH LE	MAY 09, 1967	SON
DUNG HO LE	MAR 24, 1969	SON
TAN PHAT HUYNH LE	1971	SON
THANH-HUY HUYNH LE	MAR 28, 1973	SON
DOAN-TULU HUYNH LE	MAR 21 1976	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

144/61B LY CHINH THANG, PHUONG 5
QUAN 3, HOCHIMINH CITY (VIETNAM)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Date: 18 APR 1988

Reference IV# 233864

Dear Sir/Madam:

- () We have received the documents you/your relatives recently sent us.
 - () We have not received any of the documents we requested in our earlier letter of _____.
 - () We have received your letter of _____ and have reviewed the above-referenced file(s).
 - () We have recently reviewed the above-referenced file(s).
-
- () Please assist your relatives/friends in submitting the documents requested on the attached form(s).
 - () Please have the attached questionnaire (ODP-B) completed and return it to us.
 - () Other:

Please inform us of any changes of address on the part of you or your relatives. When writing to us, always refer to the IV number(s) above.

Sincerely,

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Khu thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO

Số 2074/CP

THẺ A

GIẤY KHAI SINH

Quận số

Họ và tên	LÊ VĂN HỮU		Nam, nữ	nam
Sinh ngày tháng, năm	nam một chín bốn năm		(1944) NOV 14, 1946	
Nơi sinh	Hà Tĩnh			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ VĂN HỮU	LÊ VĂN HỮU		
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKKK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai				

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 3 năm 1962

T.M. UBND

Tỷ tên đóng dấu

Cấp phòng

Đã ký ngày 12 tháng 3 năm 62
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

IV. 233864

((URG - L E N H

SỐ: 021/TKBH/T/CL/TL

Tiểu-Khu Trưởng Tiểu-Khu Biên-Hoà

- Chiếu QL số: 614 -H/TT/QL ngày 01-07-70
an-định hệ-thống tổ-chức Quốc-Phòng và
QL.VNCH.

- Chiếu HP số 1004/QP/ND/HP ngày 14-09-70 Về việc ban thưởng Tưởng-Lục.

BAN THƯỞNG TƯỚNG-LỤC

A. CẤP LỮ-ĐOÀN

-Phan-van-Hieu Binh 1
-Phung-van-Yen Đại-Uy
-Phan-Duy-Dương Tham-Sat-Viên PRU

- LE - VAN - HOÀ Thiếu-Uy Cảnh-Sat BCH/CSQG/Biên-Hoà (Q.Long-Tành) ✓

Quân-nhân xuất-sắc, thể-hiện tinh-thần diệt-Công cao-đo. Đặc-biệt
trong cuộc An-Ninh Tấn-Hoà ngày 12-04-74 tại YS: 150&O thuộc Xã Phước-
Lai CK Nhơn-Trạch Biên-Hoà; Toán Tham(Sat PRU phối-hợp với CSQG/Dĩ-Chiến
chạm súng với VC, mặc dù địch dùng hơn-lực mạnh để chống trụ để rút lui,
còn đương-sự vẫn bình-tĩnh bám sát địch và gây cho chung tổn-thất nặng.
Kết-qua: hạ 01 VC và 01 Bí-thư tên Hai-Sơn thuộc Chi-Bộ Xã Phước-Lai,
Tịch-thu 01 súng K.54 01 súng AK/47 cùng 01 số tài-liệu quan-trọng.

- Nguyễn-Dắc-Hùng Hạ-Sĩ

- Nơi-nhân :

- CK. Tân-Uyên, Nhơn-Trạch,
Đức-Tu

KBC.4850 ngày 07 tháng 08 năm 1974
Đại-Tá Lâm-quang-Chính
Tiểu-khu Trưởng Tiểu-khu Biên-Hoà
(Ấn ký.)

" Đề tọng-đat "

- TKBH (P.TQT) KBC: 4002x

" Đề nhứt-tu và lưu-trữ

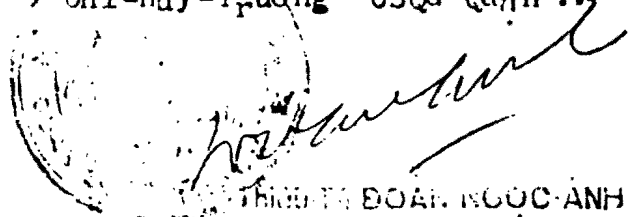
Bản sao kính-đôi :

SAO Y BẢN CHÍNH :

Long-Tành, ngày 26 tháng 12 năm 1974
Chỉ-Huy-Trưởng CSQG Quận.

(Bộ TTM (P.1-P.TQT) KBC: 4002

- BTL/QĐ.3/QĐ3/P.TQT KBC: 3177



IV. 233864

Việt-Nam Cộng-Hòa

Độc-Lập-Tự-Do

866

Tổng-Lãnh-Đoàn-Tên-Lưu-Đức-Đ

ỦY-LỆNH CÔNG-SÁT QUỐC-GIA

Số: 141780/ TL/Đ/Đ.

- Chiến

- Chiến (Chỉ số cấp-Đ/TL/T/Đ/Đ, 05-02-74) ổn định chế độ và thời gian điều chỉnh lương bổng cho nhân viên chính ngạch và tập sự Cảnh-sát quốc-gia chưa được hưởng chỉ số lương bậc I cấp bậc liên hệ.

ĐIỀU 1 - ĐIỀU 1H:

Điều 1: Áp dụng thuận cho 1203 nhân viên chính ngạch và tập sự Cảnh-sát quốc-gia được điều-chỉnh lương bổng theo cấp bậc sĩ quan kể từ ngày 01-07-1974.

Số : Họ và tên : Ngày sinh : Chỉ số lương : Đơn - vị
PT : hiện tại :

A. - Đại-Úy (Bậc I chỉ số-lương 470)

1 : Đoàn-Ngọc-Anh : 25-05-34 : 380 : BCH/CSQG Khu 3

B. - Thiếu-Úy (Bậc I chỉ số-lương 310)

3 : LÊ-VĂN-HÒA : 1946 / : 250 : BCH/CSQG Khu 3
44 :

Điều 2: Tư-Lệnh-Đoàn, và Đại-Tá Tư-Lệnh, Trưởng Khối nhân-viên chính-chức vụ thi hành quyết định này.

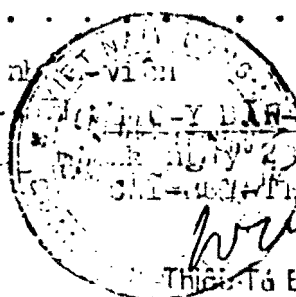
Nơi-nhận:

Sai-gòn ngày 12 tháng 06 năm 1974
An-ký Chuẩn-Trưởng KỶ-ĐOÀN-KHÁC-BÌNH
Kiểm tra và phương diện kinh-phí
Kiểm-sát Ước-chỉ Sai-gòn ngày 21-07-1974
An-ký Trần-v.-Trương
TRƯỞNG (Độc-Vĩ-Đ-Đ)
Sai-gòn ngày 12 tháng 06 năm 1974
TL. CHỈ-ĐUY-TRƯỞNG CSQG TỈNH
CHỈ-ĐUY-TRƯỞNG QUÂN-TRỊ

- Cho BCH/CSQG (Tỉnh và Thị Xã
Tư-trị)
- Cho đương sự
- Hồ sơ. Lưu.

PHÓ-ĐOÀN:

hu-Tá, Tư-Lệnh Trưởng-Khối nhân-viên
An-ký Đại-Tá Nguyễn-Hiến



THIÊN-TÁ ĐOÀN-NGỌC-ANH

Ư - VỤ L E N H

- Chiếu Nghị-định số 416-NĐ/NV ngày 12-03-1966 và bổ túc bởi Nghị-định số 1775-NĐ/AN ngày 26-09-1966 ấn định tổ chức một Học-viện Cảnh-Sát Quốc-Gia trong Ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia.

- Chiếu Sắc lệnh số 355-TT/SL ngày 01-06-1971 bổ túc bởi Sắc-lệnh số 120-TT/SL ngày 15-03-1972 ấn định nhiệm vụ tổ chức thang cấp và quyền hạn bổ nhiệm nhân viên các cấp thuộc lực lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia.

- Chiếu biên bản ngày 03-12-1971 của Hội-Đồng Giám-khảo và bảng tổng kết kỳ thi tốt nghiệp khóa 6 Thăm-Sát-Viên Cảnh Sát Quốc-Gia.

- Nay tạm thời bổ dụng những khóa sinh có tên dưới đây tốt nghiệp khóa 6 Thăm-sát-viên tại Học-viện Cảnh sát Quốc-gia vào Ngạch Thăm-sát-viên tập-sư Cảnh-sát Quốc gia kể từ ngày 31-12-1971 (ngày mãn khóa) về phương diện thăm miên và lương bổng.

Số	Xếp hạng	Họ và tên	Ngày sanh	Nhiệm - số
TT	mức khóa			
1	154.đh	Trần-van-Khôi	30-12-49	Khối Hành-quân
2				
40	276.đh	LE-VAN-HÒA	1946	Khối Đặc-Biệt
91				
104	352	Nguyễn-van-Bang	09-02-44	Nha Tâm-Lý-Chiến

Nếu bất cứ vì lý-do gì việc bổ-dụng chánh thức không thể thực hiện được sự vụ-lệnh này sẽ bị hủy bỏ và không bồi thường chi cả .-

Nơi-nhận:

- Nha TGDNS/NG.V

-

-

- Các đương sự

- Lưu .-

Sài-Gòn, ngày 13 tháng 09 năm 1972

Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia

Ấn-ký Đại-Tá NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Chiếu-hội

Sài-Gòn ngày 22-08-1972

TUN. Tổng Giám-Đốc Công-Vu

Chánh-sở các Ngạch chuyên môn

Ấn-ký LE-VAN-TRUYỀN

SAO - Y:

Chủ-Sư Phòng Nhân-sư-vu

Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia

Ấn-ký Đại-Ủy Cảnh-Sát Trần-van-

Lợi.

TRÍCH SAO-Y:

Long-thành ngày 01 tháng 10-1974

CHỈ-HUY-TRƯỞNG CSQG QUÂN.

[Handwritten signature]

THÀNH PHỐ SÀI GÒN

IV 233864

Việt-Nam Cộng-Hòa
Phủ Thủ-Tướng

THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ

-:-:-:-:-

Số 118/ND

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1.4.1967,
Chiếu sắc lệnh số 005-a/TT/SL ngày 9.11.1967 ấn định thành
phần Chánh-Phủ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 080-CT/LĐQG/SL ngày 6.9.1965 thiết lập
hai loại huy chương Cảnh-Sát Chiến công bội tinh và Cảnh-Sát danh-
dự bội tinh.

Chiếu Nghị-Định số 001-CT/LĐQG/ND ngày 21.1.1966 ấn định-
thể thức cấp thưởng Cảnh-Sát Chiến công bội tinh và Cảnh-Sát Danh-Dự
bội tinh,

Chiếu Nghị-Định số 299-ND/Th.T/PC ngày 27.12.1967 Ủy quyền
cho Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia cấp thưởng đệ nhị đẳng và đệ tam
đẳng các loại huy chương trên,

N G H Ì - Đ Ì N H

Điều 1. - Nay ấn thưởng đệ Tam-Đẳng Cảnh-Sát Danh-Dự Bội tinh
cho :

Ô Ô

- Lê-Văn-Hòa / CSV/PĐ/DH/CN, Khối Cảnh-Sát Đặc-Biệt

Điều 2. - Đồng lý Văn Phòng Phủ Thủ-Tướng, Đồng lý Văn-Phòng
Bộ-Nội-Vụ và Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia chiếu nhiệm vụ thi-
hành Nghị-Định này.

Nơi nhận :

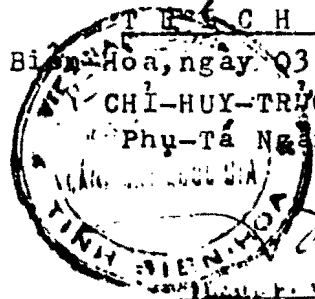
- VP Phụ Tổng-Thống
- VP Phụ Phó Tổng-Thống
- VP Phủ Thủ-Tướng
- VP Bộ-Nội-Vụ
- Để kính tường trình
- Sở Công báo VNCH
- Tổng Nha C.Đ. Q.G.
- Lưu.-

Sài Gòn, ngày 9 tháng năm 1968

TUN. THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ
Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia
Thiếu-Tướng NGUYỄN-NGỌC-LOAN
(ấn ký)

T R Ế C H S A O Y :
Biên-Hòa, ngày 03 tháng 01 năm 1974

CHỈ-HUY-TRƯỞNG CSQG Tỉnh
Phụ-Tá Ngãnh Đặc-Biệt



Thủ-Tướng V. PHỤNG-VŨ

TRẠI TÂN HÒA
Số 325 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.IG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 3 7 8 1 8 1 3 2
SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 66/BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 08/QĐ ngày 05 tháng 15 năm 82.
của Bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lê Văn Hòa

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 14 tháng 11 năm 1945

Nơi sinh gia đình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 199/018 Đường Yên Bái Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh

Can tội Phạm tội cảnh sát trưởng G. D. B.

Bị bắt ngày 08-11-1975

Án phạt 12 năm tù

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 199/018 Đường Yên Bái Quận 3 TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế: 12 tháng

Điểm ăn và đi đường: 15/11

Lưu tay ngón trỏ phải

Của Lê Văn Hòa

Danh văn số 2603

Lưu tại FSM

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 05 năm 1982

Giám thị

Lê Văn Hòa

Đang tại: Trại Tân Hòa

IV. 23386

LỆNH THA

Tôi

PHẠM VĂN ĐUẬN

Chức vụ :

Giám đốc công an Tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Quyết định miễn tử số :

ngày tháng năm

của

đối với

Căn cứ đề nghị tha số

03 ngày 13 tháng 1 năm 1987

của

Hội đồng đặc xá

đối với

Căn cứ pháp luật hiện hành

RA LỆNH THA

Họ và tên :

LÔ VĂN HÒA

hí danh

Sinh ngày

tháng

năm

1946

Sinh quán :

Trú quán :

144/61E - Lý chính Thắng - P15 - Q3 - TP/HCM

Nghề nghiệp :

Bị bắt ngày

20

tháng

9

năm

1983

Can tội

Xuất cảnh trái phép

Ông giám thị trại

Công an Tỉnh Tiền Giang thi hành khi nhận

đọc lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Tiền Giang

để tương.

NƠI NẤY

- Ông Viện trưởng VKSNĐ để tương
- Ông Giám thị để thi hành
- Đường sự liên hệ trình với chánh quyền địa phương
- Lưu hồ sơ.

Tiền Giang, ngày 20 tháng 1 năm 1987

Công an Tỉnh Tiền Giang.

GIÁM ĐỐC

(Signature)

UBND. TỈNH LONG AN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

Số: 103/TP. LA. 88

Sân An, ngày 20 tháng 7 năm 1988.

11-7 XẤY YÊU CẦU THỊ THỰC HÔN THỦ

Kính gửi: UBND. . . Ủy ban Dân tộc . . .

Thưa đơn trích lục hôn thú của Ông. Bà: Lê Huyền . . .

Sinh năm: 1967 . . .

Thường trú: . . . Đoàn Xây dựng kinh tế Đông Tháp 4 - Long An.

Đó: . . . Xin Sao. . . liên tục. Ông. Bà. Lê Văn Hòa . . .

Sở tư pháp Long An đã lục lại bản gốc sổ bộ hôn thú củ, số
hiệu . . . 115.54965 . . . năm 1965 . . .

Trong sổ bộ hôn thú củ ở xã: . . . Đông Tháp, Quận Đức Hòa, Tỉnh Cần
Giỏi . . . là đúng sự thật . . .

Vậy đề nghị UBND xã: UBND thị trấn Đức Hòa . . .

Lý tên đóng dấu xác nhận vào bản sao giấy hôn thú của Ông. Bà:

. . . Lê Văn Hòa và Bà Huyền Thị Ngọc . . . /.-

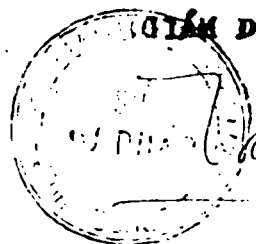
Ông. Bà. . .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TỈNH ĐỨC HÒA



Phạm Văn Tấn

TM. SỞ TƯ PHÁP



Nguyễn Văn

IV. 33. 964

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số: 300066970

Họ tên: HUỠNH THỊ NAM

Sinh ngày: 1/11

Nguyên quán: Thị trấn Đức Hòa, Long An

Nơi thường trú: 32 A Xâu 1, Thị trấn Đức Hòa, Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số: 300565509

Họ tên: LÊ HUỠNH

Sinh ngày: 1967

Nguyên quán: T2-Dức-Hòa, Đức-Hòa, Long-An

Nơi thường trú: 10/Huân, Đức-Hòa, Long-An

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

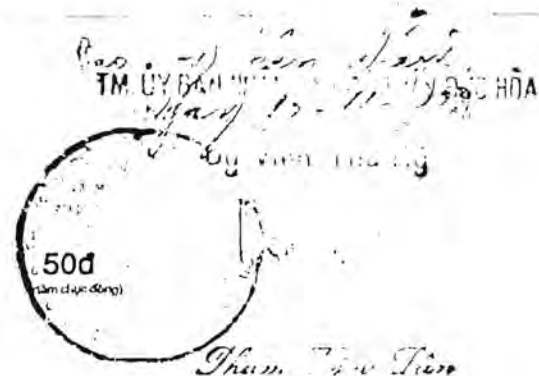
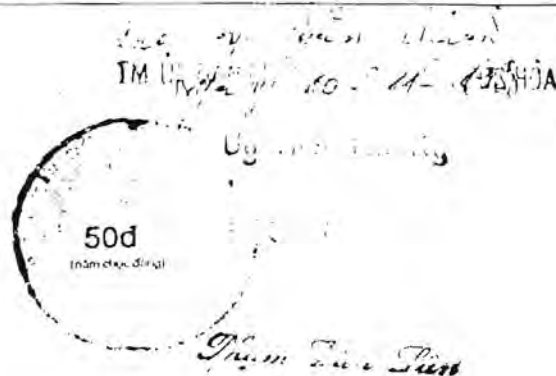
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
sẹo chằm cộm trên trước đầu ngón trái

Xét: 10 tháng 0 năm 1990
KÝ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
sẹo tròn 0,4cm ở trên trước đầu ngón

Ngày 22 tháng 06 năm 1993
KÝ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



IV 233864

BẢN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Họ và tên: _____
Thị trấn: _____
Thành phố: _____

BẢN SAO

BIẤY KHAI SINH

Số: 1074

Quận số: _____

Họ và tên	LÊ VĂN HỮU		Nam, nữ	nam
Sinh ngày tháng, năm	Sinh ngày chín tháng năm (1946) NOV 14, 1946			
Nơi sinh	Xã Định			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ VĂN HỮU	LÊ VĂN HỮU		
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp	//			
Nơi ĐKKK thường trú	//			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, tờ giấy chứng minh hoặc CNEC của người đăng khai	//			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: 10 tháng 1 năm 1967

THỦ BND: _____ Ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 10 tháng 1 năm 1967
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường T. ĐỨC HÒA

Huyện, Quận ĐỨC HÒA

Tỉnh, Thành phố LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HHT

Số 444-17/88

Quyển CS



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUYNH THỊ NAM Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh 19/4/1

(MỘT CHÍNH ĐƠN MỘT)

Nơi sinh ĐỨC HÒA

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>ĐHÀN THỊ LONG</u>	<u>HUYNH HÙNG LONG</u>
Tuổi	<u>1917</u>	<u>1915</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>GIÁ VIÊN SỞ HUỐNG</u>	<u>GIÁ VIÊN SỞ HUỐNG</u>
Nơi thường trú	<u>33A KHU I BÌNH TH</u>	<u>33A KHU I BÌNH TH</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thu của người đứng khai
HUYNH HÙNG LONG 33A-KHU I BÌNH TH T. ĐỨC HÒA
30006/1.002

Đăng ký ngày 20 tháng 09 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

[Signature]

CHỖ TÍCH

[Stamp]

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 09 năm 1988

T/M UBND

ký tên, đóng dấu

CHỖ TÍCH

[Signature]

IV.23.1.1.1

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn ĐỨC HOA
Thị xã, Quận ĐỨC HOA
Thành phố, Tỉnh ĐỒNG AI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 687 UB

Quyền số 02



HỌ và TÊN	<u>LÊ HUỖNH MINH KHÁNH</u> Nam, Nữ <u>NỮ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>11</u> <u>10</u> <u>1965</u> <u>HOẠT ĐỘNG MỘT THÁNG, MỘT HAI NĂM HỘ HOÀN CHỈNH</u> <u>TRAM TẤN NHẤT LẦN</u>	
Nơi sinh	<u>GIA ĐÌNH</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>LÊ VĂN HOÀ</u> <u>1946</u>	<u>HOỖNH THỊ NĂM</u> <u>1941</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú		<u>LÀM QUANG</u> <u>10 A - ĐỘI G. SX - KHU VIỆT</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>HOỖNH THỊ NĂM</u> <u>10 A - ĐỘI G. SX - KHU VIỆT</u> <u>300068970</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 05 năm 81

TM/UBND ĐỨC HOA ký tên đóng dấu



Đăng ký ngày 17 tháng 05 năm 81

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Huỳnh Thanh Hoa

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT3/P3

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ị trấn Đức Hòa
 xã, Quận Đức Hòa
 hành phố, Tỉnh Long An

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số HS KS 81Quyển số 01

Họ và tên	<u>Lê Trần Mỹ Chính</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	<u>mười tám tháng sáu năm một nghìn chín trăm tám mươi tư</u>		
Nơi sinh	<u>Đức Hòa, tỉnh Long An</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Minh Hưng</u> <u>12 - 5 - 1964</u>	<u>Lê Huỳnh Minh Chính</u> <u>11 - 12 - 1965</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Kỹ thuật</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Xã Phước Bình huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Huỳnh Minh Chính 19 tuổi; 32A, Khu I, Ấp Bình Thới, Thị trấn Đức Hòa, số giấy CM 300482934</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẮY CHÍNH

Đã ký ngày tháng năm 198

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 30 tháng 5 năm 1985

TM/UBND Đức Hòa ký tên đóng dấuP. chủ tịchHuỳnh Thanh Hoa

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn Hố Hoa

Thị xã, Quận Hố Hoa

Thành phố, Tỉnh Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 687 UB

Quyển số 02



Họ và tên	LÊ HUYỀN		Nam, Nữ	NAM
Sinh ngày tháng, năm	09 - 05 - 1967 NGÀY CHÍN THÁNG NĂM NĂM HỘT NGÀN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI BẢY			
Nơi sinh	GIA ĐỊNH			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	LÊ VĂN HÒA 1946		HUYỀN THỊ NAM 1941	
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT NAM		KINH VIỆT NAM	
Nghề nghiệp nơi ĐKNC thường trú			LÀM RỪNG 10A ĐỘI SX KHU VỰC 1	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNC thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	HUYỀN THỊ NAM 1941 10A ĐỘI SX KHU VỰC 1 300066970			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 4 năm 1968

TM/UBND Trần Văn Chấn ký tên đóng dấu

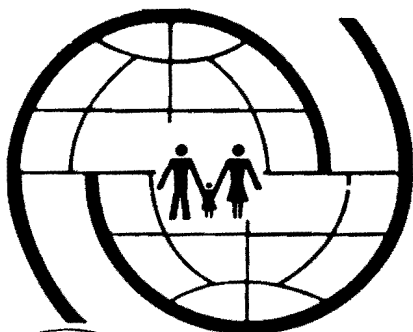


Trần Văn Chấn

Đã ký ngày 1 tháng 4 năm 1968

(Ký, tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

HO



LOM



LE VAN HOA

14 NOV 1946

H03-132

VAN-HOA



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

Drugs

1. INH _____

2. ETH _____

3. PZA _____

4. RIF _____

5. B6 _____

6. DAP _____

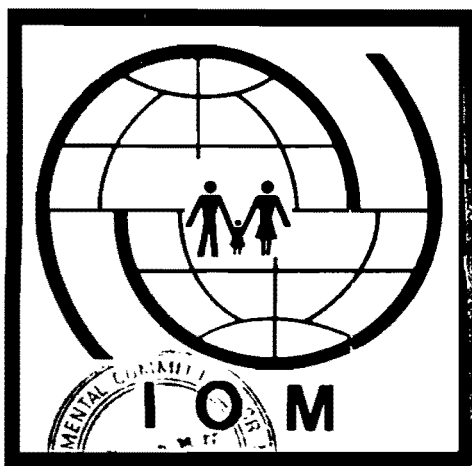
7. _____

8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



HUYNH THI NAM

1441



H03-132

THI NAM



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

Drugs

1. INH _____
2. ETH _____
3. PZA _____
4. RIF _____
5. B6 _____
6. DAP _____
7. _____
8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



H03-132
TAN-PHAT

LE HUYNH TAN PHAT

1471



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

Drugs

1. INH _____

2. ETH _____

3. PZA _____

4. RIF _____

5. B6 _____

6. DAP _____

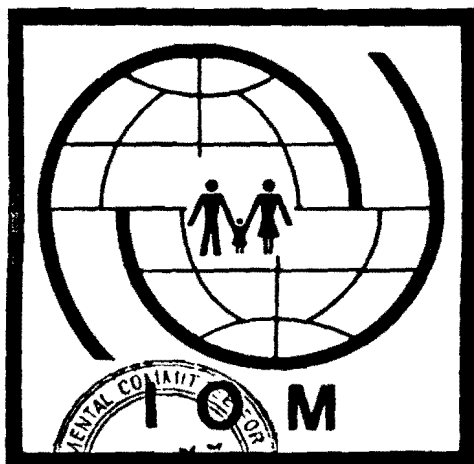
7. _____

8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



M



HO 6-132

THANH HUY

LE HUYNH THANH HUY

28 MAR 1973



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

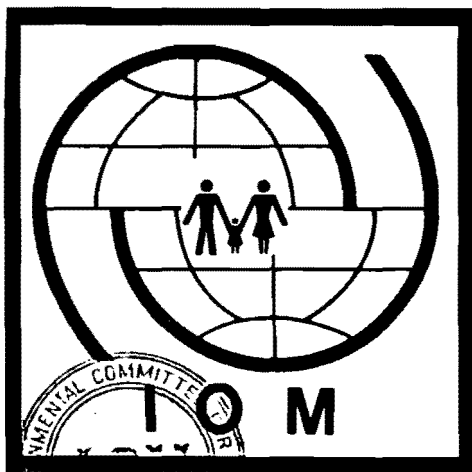
Drugs

1. INH _____
2. ETH _____
3. PZA _____
4. RIF _____
5. B6 _____
6. DAP _____
7. _____
8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



HO3-132

XUAN-TU

LE HUYNH DOAN TUU

21 MAR 1976



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

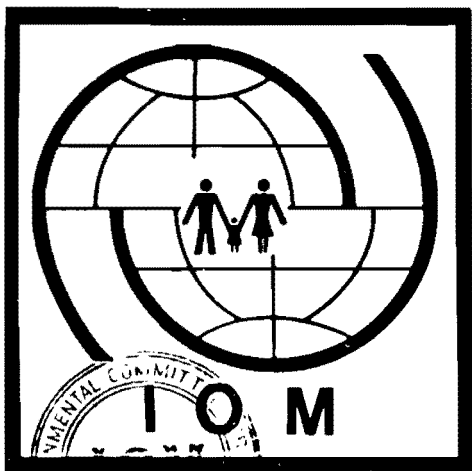
Drugs

1. INH _____
2. ETH _____
3. PZA _____
4. RIF _____
5. B6 _____
6. DAP _____
7. _____
8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



H03-132

LE-HUYNH

LE HUYNH

09 MAY 1967



P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

Drugs

1. INH _____

2. ETH _____

3. PZA _____

4. RIF _____

5. B6 _____

6. DAP _____

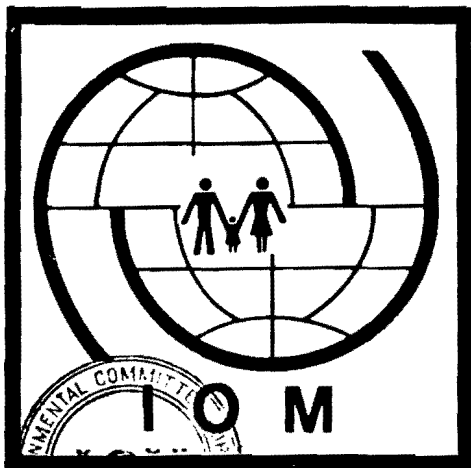
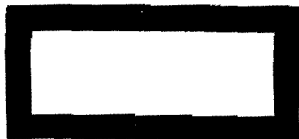
7. _____

8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

HO



LE HUYNH DONG HO

24 MAR 1969



H03-132

DONG HO

P.E. _____ IMM: _____

Special Treatment :

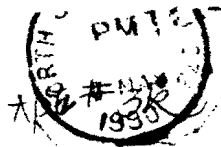
Drugs

1. INH _____
2. ETH _____
3. PZA _____
4. RIF _____
5. B6 _____
6. DAP _____
7. _____
8. _____

Weight : _____

Allergy : _____

Nguyen Thi Thuy



07306



MAY 0 1990

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
KHUC MINH THO
P.O BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

New Jersey, ngày 5 tháng 5 năm 1990

Kính gửi:

Bà Khai Minh. Bí thư Chủ tịch Hội gia đình
tự nhân chấp tại Việt Nam.

Thưa bà:

Hãy danh sách gia đình tự nhân chấp tại
Việt Nam. đã được phải Mỹ phong vào và chấp thuận
cho tất cả gia đình được nhập cư sang Hoa Kỳ.
theo diện ty nạn. Kính gửi đến Hội danh sách thế
kham lịnh do thiệp Hội IOM cấp.

Gia đình hiện tại hiện không có họ đang thân
thuộc, bởi tôi họ là tình bạn bè, có nhậy ý về tôi
chuyển giấy tờ của họ đến Hội gia đình tự nhân
chấp tại Việt Nam, xin Hội cuối kết văn động lực
cho gia đình anh Lê văn Hòa được sớm hội đủ
điều kiện nhập cư sang Hoa Kỳ.

Kính chuyển đến Hội lòng thành kính biết ơn.

Chunhau

(Lê văn Chunhau).

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số HT3/P3

Thị trấn Đức Hòa
Thị xã, Quận Đức Hòa
Thành phố, Tỉnh Long An

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 685
Quyển số 02

Họ và tên		<u>Lê Huỳnh Đông Hồ</u>	Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm		<u>ngày hai mươi bốn tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (24-3-1969)</u>	
Nơi sinh		<u>Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ		CHA	ME
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)		<u>Lê Văn Khoa</u> <u>1946</u>	<u>Huỳnh Thị Cẩm</u> <u>1941</u>
Dân tộc		<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch		<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp			<u>Làm ruộng</u>
Nơi ĐKNK thường trú		<u>Đại cải tạo Xuân Lộc</u> <u>Đồng Chài</u>	<u>lot khu II, phường thị</u> <u>Chợ tuần Đức Hòa</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai		<u>Huỳnh Thị Cẩm</u> <u>1941</u> <u>lot khu II, phường thị, Chợ tuần Đức Hòa, Long An</u> <u>Giấy CNCC số: 300066970</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày 04 tháng 4 năm 1982
(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 04 tháng 4 năm 1982
TM UBND Đức Hòa ký tên đóng dấu



Nguyễn Đức Tấn

(Đã Ký)

Nguyễn Đức Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn ĐỨC HOÀ
Thị xã, Quận ĐỨC HOÀ
Thành phố, Tỉnh LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 684 — MB
Quyển số 02



HỌ và TÊN	TÊN HUỖNH TÂN PHÁT		Nam, Nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng, năm	1971 NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI MỘT		
Nơi sinh	GIÁ ĐÌNH		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	TÊN VĂN HOÀ 1946	HUỖNH THI NÀM 1941	
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT NAM	KINH VIỆT NAM	
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú		LÀM RỪNG 10A ĐỘI 6 SX KHU VỰC I	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	HUỖNH THI NÀM 1941 10A ĐỘI 6 SX KHU VỰC I 300066970		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 4 năm 1981

TM/UBND Đức Hòa ký tên đóng dấu



Huỳnh Văn Thế

Đăng ký ngày 4 tháng 4 năm 1981
(Ký, tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

H
(*Đã ký*)

Huỳnh Văn Thế

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu : HT2/P3

Xã. Thị trấn Đức Hòa

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Đức Hòa

BẢN SAO

Thành phố, Tỉnh Long An

GIẤY KHAI SINH

Số : 683 UB

Quyền số : 02



Và tên

LÊ HUYNH THANH HUY

Nam, nữ NAM

ngày

28.03.1973

tháng năm

Nơi sinh

QUA ĐINH

Khai về cha mẹ

CHA

ME

Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)

LÊ VĂN LÒA
1946

HUYNH THI NÀ
1941

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

VIỆT NAM

VIỆT NAM

Nghề nghiệp

Làm ruộng

Nơi ĐKKK thường trú

10A ĐỘI 6 SX KINH THỊ

Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai

HUYỆT TẾ NÀM 1941

10A ĐỘI 6 SX KINH THỊ

3000 66970

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 16 tháng 5 năm 1980

Ngày 11 tháng 3 năm 1987

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM. UBND Đức Hòa ký tên đóng dấu



T. T.
(Ký)

Lê Văn Thanh

Nguyễn Đức Toàn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu : HT2/P3

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã. Thị trấn Đức HòaThị xã, Quận Đức HòaThành phố, Tỉnh Long An

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số : 682 UBQuyển số : 02

Họ tên

LÊ HUYNH ĐOÀN TÙNGNam, nữ _____

Ngày

21.03.1976

tháng

sinh

GIẤY ĐỊNH

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ tên tuổi (hoặc
ngày tháng năm sinh)LÊ VĂN HOÀ
1946HUYNH THỊ NẤM
1941

Dân tộc

KinhKinh

Quốc tịch

VIỆT NAMVIỆT NAM

Nghề nghiệp

Làm ruộng

Nơi ĐKKK thường trú

10+ Đ. 68 Khu vực IHọ tên, tuổi nơi ĐKKK
thường trú, số giấy
chứng minh hoặc CNCC
của người đứng khaiHUYNH THỊ NẤM
194110+ Đ. 68 Khu vực I
300066970

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 03 năm 1987TM. ỦY BAN NHÂN DÂN _____ Ký tên đóng dấu

P. CHỦ TỊCH

Hoàng Thanh HoaĐã ký ngày 16 tháng 09 năm 1980
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)U

(Đã ký)

Lê Văn Châm

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date/Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Gửi số câu hỏi này tới:
Tổ Công Tác Việt-Nam
6 Chu Văn An
Hà Nội

Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

Name/Họ, tên: LÊ VĂN HÒA Sex/Phái: NAM

Other Names/Họ, tên khác: Không

Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 1946 Gia Định

Residence Address: Số nhà 32A L1 Ấp Bình Thới thôn Diệt Thôn

Địa-chỉ thường-trú: Huyện Đức Thọ tỉnh Lạng Sơn VIỆT NAM

Mailing Address: 134/59 Lý Chính Thắng Phường 15 Quận 3

Địa-chỉ chó-tử: phần phố thị Chí Minh Việt Nam

Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: Làm ruộng

Relatives to accompany me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:

Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/ Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia-đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. LÊ HUỖNH MINH KHÁNH	11/12/1965	Gia Định	Nam	M	Con ruột
2. LÊ HUỖNH	9/5/1967	Số 1	Nam	S	"
3. LÊ HUỖNH ĐOÀN TỬ	20/3/1976	Gia Định	"	S	"
4. LÊ HUỖNH ĐÔNG HỒ	24/3/1969	Số 1	"	S	"
5. LÊ HUỖNH TÂN DẬT	1971	Gia Định	"	S	"
6. LÊ HUỖNH THANH HUY	23/3/1973	"	"	S	"
7. LÊ MINH DUNG	1964	Đức Thọ	"	M	Con rể
8. LÊ TRẦN MỸ KHÁNH	15/6/1984	"	Nam	S	cháu ngoại
9. HUỖNH THỊ NÀM	1941	"	"	M	Vợ
0.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.

CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự đi bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of myself/của tôi

Of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name/Họ, Tên : NGUYEN THI THUY
b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Dưm thân
c. Address/Địa-chỉ :
d. Date of Relatives Arrival in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ :

2. Closest relative in other foreign countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name/Họ, tên :
b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :
c. Address/Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father/Cha : LÊ VĂN TỰ (S)
2. Mother/Mẹ : LƯƠNG THỊ GÜCỈ (S)
3. Spouse/Vợ/Chồng : HUỖNH THỊ NAM (S)
4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có): Lê hòng
5. Children/Con cái: (1) LÊ HUỖNH MINH KHÁNH
(2) LÊ HUỖNH
(3) LÊ HUỖNH ĐÔNG HỒ
(4) LÊ HUỖNH TÂN PHÁT
(5) LÊ HUỖNH THANH HUY
(6) LÊ HUỖNH ĐÀN TỰ
(7) LÊ MINH DỨNG
(8) LÊ TRẦN MỸ KHÁNH
(9)
6. Siblings/Anh chị em: (1) LÊ ANH TUẤN (chết năm 1973)
(2) LÊ TÙNG CHÍNH
(3) LÊ TUA BÌNH
(4) LÊ VĂN BẠC
(5) LÊ VĂN HOÀNG
(6) LÊ THỊ HOÀNG PHUÔNG
(7) LÊ NINH TRIẾT
(8)
(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse
 Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng mỹ

1. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____
2. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____
3. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/
 Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/
 Họ tên người tham-gia : LÊ VĂN HOÀ
2. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: 15.05.1965 To/Đến: 30.04.1975
3. Last Rank
 Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy cảnh sát Serial Number/
 Số thẻ nhân-viên : 107509
 G. Đặc biệt
4. Ministry/Office/Military Unit
 Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chống : Bộ chỉ huy CSQG Quân Long Thành tỉnh
 - Khu vực
5. Name of Supervisor/C.O.
 Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Thiếu tá Nguyễn Ngọc Anh
 Văn phòng Võ

6. Reason for Separation/Lý do nghỉ việc: Giải ngũ 30 (A) 1975

7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: _____

8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Việt-Nam: Hiệp đồng Tham mưu chính CSDB (D5) Bộ tư lệnh CSQG (Sài Gòn)

9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award/Phần-thưởng Cánh Sắt Địch từ Bắc kinh Date received/ 1969
 hoặc giấy khen: Anh Dũng Bắc kinh Ngày nhận: 1974

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có _____ Không không mất)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/
Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee/
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LÊ VĂN THẠ

2. School and School Address/
 Trường và địa-chỉ nhà trường: Trung tâm huấn luyện Tình báo Mã Lai Á KUALA LUMPUR

3. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: tháng 5 1966 To/Đến: tháng 1 1968

4. Description of Courses/
 Mô-tả ngành học: phần tình báo ngoài căn cứ Bắc kinh

5. Who paid for training?/
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : Chính phủ ANS - Mỹ

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không không)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation/
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo: LÊ VĂN THẠ

2. Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 28.6.1975 To/Đến: 15.5.1982
20.9.1982 21.1.1983

3. Still in Reeducation?*/Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Yes/Có _____ No/Không x

*(If released, we must have a copy of your release certificate./

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc?

Những giấy tờ liên quan đã nộp mất 1975 tại đơn vị, kể cả
hơn thư khen thưởng về em (sau ngày đi cải tạo, và từ đó em
lưu lại tại quê nhà, không còn các em

Signature/Ký tên: [Signature] Date/Ngày: 20.02.1988

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- GIẤY RA TRẠI
- LỆNH THẠ
- MỘT TÂM HÌNH

Số : 658 -BTL/NV/ND.-

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01.4.1967, tu-
chính do Luật số 001/74 ngày 22.01.1974 ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 01.9.1969 và các văn-
kiện kế tiếp nhất là Sắc-lệnh số 130-TT/SL ngày 18.02.1974, ấn
định thành phần Chánh-Phủ ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 355-TT/SL ngày 01.6.71 ấn định tổ-
chức và nhiệm-vụ Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia, sửa đổi và bổ túc
bởi Sắc-Lệnh số 120-TT/SL ngày 15.03.1972 ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 023-SL/Th.T/PCI ngày 16.02.73 quy-
định Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia tự đảm nhiệm mọi vấn đề liên
quan đến Pháp-chế và Quản-trị Nhân-viên Lực-Lượng CSQG ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23.5.1955 và các văn-
kiện kế tiếp ấn-dịnh lương chức-vụ và cung cấp hiện vật và hiện
kim cho các công-chức và nhân-viên công-sơ ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 565-TT/SL ngày 01.9.1971 bổ nhiệm
Đại-Tá (nay là Chuẩn-Tướng) NGUYỄN-KHẮC-BÌNH giữ chức-vụ Tư-Lệnh
Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 052-SL/NV ngày 01.6.1971 ấn định tổ
chức Ngành Đặc-Biệt thuộc lực-lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

Chiếu nhu cầu công-vụ ;

Đ I N H

Điều I. - Để hợp thức hóa các Sĩ-Quan và Hạ-Sĩ-Quan
có tên dưới đây được giữ chức-vụ :

Phụ-Tá Đặc-Biệt ECH/CSQG Tỉnh Biên-Hòa :

- Đại-Úy TRẠNG-THUẬN (01.02.29) thay thế Thiếu-Tá VÂN-Phụng-Võ
kể từ ngày 04.04.1974.

Trưởng G Nghiên-Cứu F Đặc-Biệt ECH/CSQG Tỉnh Biên-Hòa :

- Thiếu-Úy NGÔ-QUỐC-THƯỜNG (16.07.41) kể từ ngày 22.05.1974.

Phụ-Tá Đặc-Biệt ECH/CSQG Quận Long-Thành Tỉnh Biên-Hòa :

- Thiếu-Úy LÊ-VĂN-HÒA (19.01.40) thay thế Thiếu-Úy Lý-Hoàn-Chôn,
kể từ ngày 22.05.1974.

Trưởng H Đặc-Thiên G Công-Tác ECH/CSQG Tỉnh Biên-Hòa :

- Thiếu-Úy QUAN-VĂN-QUA (03.01.23) kể từ ngày 22.05.1974.

Trưởng H Truyền-Tin G Tổng-Trợ ECH/CSQG Tỉnh Biên-Hòa :

- Trung-sĩ I NGUYỄN-VĂN-PHÙNG (1937) kể từ ngày 06.04.1974.

Trưởng H. Nghiên Cứu BCH/CSQG Quận Đức-Tu Tỉnh Biên-Hoa :

- Trung-sĩ I PHAM-VAN-CHINH (25.12.37) kể từ ngày 06.04.1974.

Trưởng H. Công-Tác BCH/CSQG Quận Biên-Hoa Tỉnh Biên-Hoa :

- Trung-sĩ I TRẦN-VAN-ĐUỘC (1938) kể từ ngày 06.04.1974.

Trưởng H. Công-Tác BCH/CSQG Quận Long-Khánh Tỉnh Biên-Hoa :

- Trung-sĩ I PHAM-KH-CHU (23.07.41) kể từ ngày 22.05.1974.

.....

Điểm 2.- Các Sĩ-Quan và Hạ-Sĩ-Quan ghi trên được hưởng lương bổng và phụ-cấp theo chế độ hiện hành.

Điểm 3.- Tư-Lệnh Phó, Phụ-Tá Tư-Lệnh Trưởng Khố
Đặc-Biệt, Phụ-Tá Tư-Lệnh Trưởng Khố và viên Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia, thuộc nhiệm-vụ thi hành Ngụy-Bệnh này.

Hội-nghị :

- Văn-Phòng Tư-Lệnh
- Văn-Phòng Tư-Lệnh Phó
- Khố Đặc-Biệt
- Khố Nhãn-Mã - Sở TQT
- Sở Tài-Kho
- BCH/CSQG Khu 3/ĐB

- BCH/CSQG Tỉnh Long-Khánh, Bình-Tuy, Bình-Lông, Biên-Hoa, Phước-Tuy, Tân-Kinh, Long-An và Thị-Xã Vũng-Tàu/ĐB

- Sở Công-Sự
- Sở - Cảnh-Sát

Bình-sao hành cấp :

- Phòng Cảnh-Sát
- Phòng Cảnh-Sát
- Sở Cảnh-Sát
- Phòng Cảnh-Sát Cảnh-Vụ
- Văn KSHUC cảnh Sĩ Kối-Vụ.-

Sài-gòn, ngày 26 tháng 08 năm 1974.

Ấn-ky : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Kiểm-phiên về Phòng-diện Kinh-phí
Kiểm-Sốt Ước-Chi ngày 07.08.1974

Ký-tên : Trần-văn-TRUNG

P H Ó - B Ả N

PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH, TRƯỞNG KHỐ NHÂN-VIÊN

Ký-tên : Đại-Tổ NGUYỄN-PHÚ-SANH

SAO-Y BẢN-CHÁNH

TL.PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH, TRƯỞNG KHỐ ĐẶC-BIỆT

PHÓ TRƯỞNG KHỐ

(Ấn-ky)

Đại-Tổ ĐẶNG-VĂN-MINH

I BÍCH SAO Y

Biên-Hoa, ngày 10 tháng 10 năm 1974

CHỈ-HUY-TRƯỞNG CSQG TỈNH,

CHỈ-HUY-TRƯỞNG

Biểu-Tổ NGUYỄN-HUU-HANH

IV 233864



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N2 61862/89 R1

Hộ chiếu này gồm 16 trang.
Ce passeport contient 16 pages

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 30.11.1994

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 30 tháng 11 năm 1989

Đã ở CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phòng 2

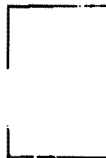
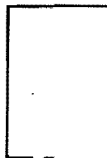


Hoàng Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénom	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 3 -

- 1 -

B) CHỦ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 61865-2-20

Cấp cho Lê Huỳnh Đình Hồ

Công dân

Đến từ HỌ CHỮ QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Lào sơn nhất

Trước ngày 30.5.1990

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1989

CỤC CHĂN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng 2



Trưởng phòng

IV 233864



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N2 01269/89-X1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên LÊ HUYNH THANH HUY
Nom et prénom

Ngày sinh 1973
Date de naissance

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở Leng An
Domicile

Quốc tịch Việt - nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalment

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 30.11.1994
Il expire le

trở khi được gia hạn.
auquel cas il renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 30 tháng 11 năm 1989

Fait à CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Tên người đi 2



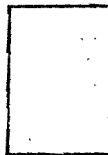
Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénom	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

BỊ CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS 61869-70

Cấp cho Đỗ Huỳnh Thanh Huyền

Công với /

ĐẠI QUỐC HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Giao với người Tân xã nhất

Trước ngày 30.5.1990

Hồ Nội, ngày 11 tháng 11 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng 2



Huỳnh Liên

IV 233 864



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 61861/89-XL

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HUYỀN THỊ NĂM
Nom et prénom

Ngày sinh 1941
Date de naissance

Nơi sinh Lạng An
Lieu de naissance

Chỗ ở Lạng An
Domicile

Quốc tịch Việt-nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

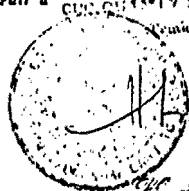
TẤT CẢ CÁC NƯỚC
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 30.11.1994
Il expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 30 tháng 11 năm 1989
Fait à CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CÁN

Phòng 2

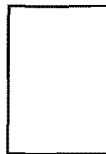
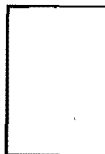


Hoàng Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT, LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénom</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ - NOTES

THỰC THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

58 61861-1

Cố đạo Bà Huỳnh Thị Năm
(1914-1994)

НОР-СНОВ ОУСС НОВА КЗ

Chợ nổi nổi. Fa sin phat.

Issued by 25 1990

Ngày tháng năm 1989

CỦA QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Từ đó chúng ta



Hoang Chinh

IV 239 864



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM



HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 61863/89 DC1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên LÊ HUỖNH
Nom et prénom

Ngày sinh 1967
Date de naissance

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chở ở Long An
Domicile

Quốc tịch Việt-nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalament

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hồ chi
Ce pass

và hèn
H. exp
trở kh
auy en

Cấp tại
Fait à

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Le passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 30.11.1994
Il expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 30 tháng 11 năm 1989
Fait à CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng 2

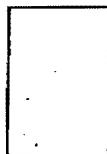
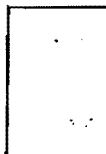


Phường Liên
- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénom</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 61863 - 70

Cấp cho Đoàn Huyền

Cấp với /

Đến nước HAI CHUNG QUỐC HOA KỲ

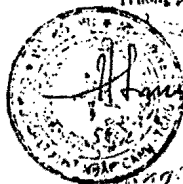
Qua nước khác Tai an nhai

Trước ngày 30.5.1990

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng 2



ng. Liêm

TU 233864



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 61867/89 DCI

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên LÊ HUYỀN TẤN PHÁT
Nom et prénom

Ngày sinh 1971
Date de naissance

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở Long An
Domicile

Quốc tịch Viet-nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 30.11.1994

'L expire Le

rủ khi được gia hạn.

auf en cas de renouvellement

lập tại Hà Nội ngày 30 tháng 11 năm 1989

lập ở CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



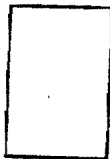
Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 61867-KC
Cấp cho Lê Huỳnh Tấn Phát
Cộng hòa / Việt Nam
Độc lập
HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ
Quan của nước Tấn của nhất
Trước ngày 30.5.1990
Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phòng 2



Nguyễn Liên

Họ tên.....LÊ VĂN HOÀ.....
Nom et prénoms

Ngày sinh.....1946.....
Date de naissance

Nơi sinh.....TP. Hà Nội - Marsh.....
Lieu de naissance

Chỗ ở.....Long An.....
Domicile

Quốc tịch.....Viet-nam.....
Nationalité

Nghề nghiệp...../.....
Profession

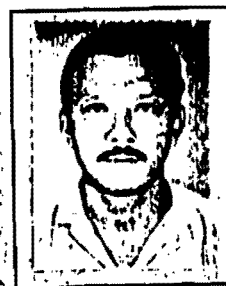
Nhận dạng.....
Signalement

Chiều cao.....
Taille

Màu mắt.....
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt.....
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

BỊ CHỮ - NOTES

Ngày 07/2/90.

Xác nhận sang y bản chính

Đã: RANO

15 CF

P CF



Nguyễn Đức Tân

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 61859-XC

Cấp cho Ông Lê Văn Hòa

Công dân Việt Nam

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 30.5.1990

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng 2



Hoàng Liên

I 33864

37/LA

BO NOI VU
CUC QUAN LY XNC

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132/XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Li Văn Hoà

Hiện ở: 32A Khu 1, ấp Bình Thới, TT Đức Hoà, Long An

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 06 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: Chúng tôi đã cấp 06 hộ chiếu cho gia đình, số:

từ số 61859 đến số 61869/89ĐC.
Đã chuyển về Công an địa phương theo Công văn số 103/P3 ngày 6.1.1990.

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H03/132 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông yên tâm./.

Hà nội, ngày 8 tháng 2 năm 1990

P. TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Phụng

Ghi chú: Hiện nay phía Mỹ đang phỏng vấn danh sách... H02.

to Van Hoa
Nguyen Thi Hung

MAR 12 1990



TO: Families OF Vietnam
Political Prisoner ASS.
P.O. BOX
Arlington, VA. 22205-0635

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request, Form 8/10/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership Letter